

Số: 23 /2007/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy chế quản lý và sử dụng
kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16/5/2005 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 101/TTr-SCN ngày 05/02/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Công nghiệp chỉ đạo Trung tâm Khuyến công quản lý, điều hành và sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1687/QĐ.CT.UBT ngày 04/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Công nghiệp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Công nghiệp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBT;
- Chánh - Phó Văn phòng UBT;
- Lưu: VT, TH (KT, CNN).



Võ Văn Một

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2007/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 4 năm 2007 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy định này áp dụng việc quản lý, cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai

Kinh phí khuyến công là kinh phí của Nhà nước, được hình thành từ nguồn ngân sách cấp (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương), thu tiền tài trợ và đóng góp của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, thu từ các hoạt động tư vấn và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; nhằm mục đích hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo chương trình khuyến công của tỉnh Đồng Nai.

Kinh phí khuyến công được ngân sách Tỉnh cấp hàng năm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp và Giám đốc Sở Tài chính, nhằm đảm bảo nguồn kinh phí cho Trung tâm Khuyến công thực hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí khuyến công do ngân sách Tỉnh cấp hàng năm, nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được để lại trong năm tiếp theo.

Điều 2. Mục tiêu của hoạt động khuyến công

Nhà nước tổ chức hoạt động khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn (gọi tắt là hoạt động khuyến công). Kinh phí khuyến công được hình thành nhằm:

- Động viên và huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn và các dịch vụ khuyến công theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Đồng Nai và của cả nước.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng và mức hỗ trợ kinh phí khuyến công

Kinh phí khuyến công chỉ dùng để hỗ trợ đối với các dự án, chương trình mang tính chất sự nghiệp, hỗ trợ không thu hồi vốn đối với các đối tượng là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thuộc quy chế này, thông qua chương trình, kế hoạch xây dựng hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt và chưa được hỗ trợ hoặc triển khai thực hiện với bất cứ một nguồn kinh phí nào.

Việc sử dụng kinh phí khuyến công phải đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả và đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Mức hỗ trợ theo từng dự án do Trung tâm Khuyến công nghiên cứu, đề xuất, trình Sở Công nghiệp thẩm định, đề nghị UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công

UBND tỉnh giao trách nhiệm cho Trung tâm Khuyến công (trực thuộc Sở Công nghiệp) quản lý và sử dụng cấp phát kinh phí khuyến công trên cơ sở có kế hoạch và quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Điều 5. Đối tượng được Nhà nước hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại các huyện, thị xã, thị trấn và xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn) bao gồm:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;

c) Hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công (gồm các hoạt động dịch vụ trong việc tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn).

3. Các hộ bị thu hồi đất để sử dụng mục đích khác, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với điều kiện mới.

Điều 6. Ngành nghề được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại các huyện, thị xã, thị trấn và xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được hưởng chính sách khuyến công của Nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ (sử dụng nguyên liệu tại chỗ là sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong phạm vi tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất), sử dụng nhiều lao động (cơ sở sản xuất có sử dụng từ 50 lao động trở lên);
3. Sản xuất sản phẩm mới (sản phẩm mới là sản phẩm khi tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất tại huyện, thị xã, thị trấn, xã nơi cơ sở sản xuất đầu tư chưa sản xuất được), hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước (sử dụng nguyên liệu trong nước là sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong nước từ 70% trở lên);
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
5. Xây dựng thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
6. Sản xuất gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
7. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ doanh nghiệp lập dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp, các làng nghề.
2. Chi hỗ trợ chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được phê duyệt, để tạo điều kiện giảm chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.
3. Chi hỗ trợ chi phí lập dự án đầu tư hệ thống xử lý môi trường công nghiệp phục vụ nông thôn.
4. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và của cả nước.
5. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
6. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

7. Hỗ trợ chi phí để cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, sản phẩm và công nghệ của thị trường trong và ngoài nước; tiếp thị, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh và tổ chức triển lãm, hội chợ và giới thiệu sản phẩm.

8. Hỗ trợ chi phí để tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề theo chương trình, kế hoạch hàng năm.

9. Hỗ trợ chi phí thuê diện tích gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước.

10. Hỗ trợ chi phí để tổ chức các hoạt động khảo sát, hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

11. Chi hỗ trợ một phần chi phí đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, sản xuất thử sản phẩm mới theo đề án khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống và chương trình phát triển mạng lưới cơ khí được UBND tỉnh phê duyệt.

12. Hỗ trợ chi phí để xây dựng thí điểm mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên gia công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học - công nghệ. Trong đó, việc trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ sản xuất tiên tiến được thực hiện theo các mô hình sau:

- Hỗ trợ chi phí cho các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập.

- Hỗ trợ chi phí cho các cơ sở sản xuất đang hoạt động nhưng cần cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất để đáp ứng được yêu cầu trình diễn kỹ thuật.

- Hỗ trợ chi phí cho các cơ sở sản xuất phát triển các sản phẩm mới, quy trình sản xuất mới, cần xây dựng mô hình để trình diễn, được hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện.

13. Chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp công nghiệp cho các huyện, thị xã Long Khánh thực hiện công tác khuyến công.

14. Chi cho những hoạt động khuyến công khác như:

- a) Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- b) Chi phí cho việc quản lý triển khai các đề án, chương trình phát triển công nghiệp nông thôn của địa phương;

- c) Chi phí hoặc hỗ trợ chi phí để xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương từng giai đoạn và hàng năm;

- d) Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động khuyến công tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh, Tp Biên Hòa;

- e) Chi mua sắm thiết bị phục vụ công tác khuyến công;

- f) Chi khen thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền;
- g) Các khoản chi khác (nếu có).

Điều 8. Nguồn kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công được ngân sách tỉnh bố trí hàng năm, căn cứ vào chương trình kế hoạch dự toán của Trung tâm Khuyến công, ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Công nghiệp và Giám đốc Sở Tài chính, HĐND tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh giao dự toán ngân sách để Trung tâm Khuyến công thực hiện.

2. Kinh phí khuyến công còn hình thành từ các nguồn vốn khác như:

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia của Trung ương cấp.
- Nguồn tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ không thu hồi theo các nội dung chi tại điều 7 của quy chế này.

2. Việc xem xét kế hoạch hỗ trợ hàng năm được thực hiện theo thứ tự ưu tiên các cơ sở sản xuất ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, ngành nghề truyền thống, sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông sản, các ngành nghề ưu tiên khuyến công.

Điều 10. Điều kiện và thủ tục được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công

1. Điều kiện đối với việc hỗ trợ

Tất cả các đối tượng được quy định tại điều 5 hoạt động các ngành nghề quy định tại điều 6, đều được xem xét và hỗ trợ từ kinh phí khuyến công. Các chương trình, dự án phải có các điều kiện sau đây:

a) Đối với chủ đầu tư dự án: Phải là người chủ sở hữu vốn, người trực tiếp vay vốn hoặc người được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý sử dụng vốn để thực hiện đầu tư cho dự án được hưởng ưu đãi theo đối tượng, ngành nghề đã quy định.

b) Đối với dự án: Phải có chương trình dự án khả thi, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

2. Thủ tục đối với việc hỗ trợ

a) Có giấy đề nghị hỗ trợ (theo mẫu thống nhất của Trung tâm Khuyến công).

b) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Xây dựng chương trình, dự án, đề án khuyến công đầu tư sản xuất cụ thể, rõ ràng thể hiện được các nội dung cơ bản của đề án.

d) Tùy theo nội dung chi, Giám đốc Trung tâm Khuyến công có những quy định riêng cho phù hợp với quy định của nhà nước.

e) Thủ tục, chứng từ có liên quan và các điều kiện khác do Giám đốc Trung tâm Khuyến công hướng dẫn.

f) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập thành 04 bộ.

Điều 11. Kế hoạch thu chi kinh phí khuyến công

Căn cứ vào Chỉ thị xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm, Trung tâm Khuyến công lập kế hoạch thu và dự kiến các khoản chi từ kinh phí khuyến công báo cáo Giám đốc Sở Công nghiệp và Giám đốc Sở Tài Chính để trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 12. Thanh toán và hỗ trợ

Kinh phí khuyến công chỉ thực hiện hỗ trợ và thanh toán các khoản cho các đơn vị, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thuộc đối tượng được thụ hưởng theo quy chế này và có đầy đủ hồ sơ, phương án hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hình thức cấp phát hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của Nhà nước ban hành.

Trước khi thực hiện cấp phát, thanh toán, Trung tâm Khuyến công phải kiểm tra lại điều kiện, tính toán mức hỗ trợ cho các đối tượng. Trường hợp phát hiện sai sót hoặc những vấn đề chưa rõ, phải xử lý ngay hoặc báo cáo UBND tỉnh và Giám đốc Sở Công nghiệp kịp thời xem xét, điều chỉnh.

Chương III CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM

Điều 13. Giám đốc Sở Công nghiệp có trách nhiệm

1. Thẩm định chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công hàng năm và phát sinh do Trung tâm Khuyến công xây dựng, đề nghị UBND tỉnh phê duyệt.

2. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các hoạt động khuyến công, hỗ trợ cho cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn của Trung tâm Khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành để thực hiện có hiệu quả chương trình khuyến công của tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh.

3. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Điều 14. Giám đốc Trung tâm Khuyến công có trách nhiệm

1. Soạn thảo các biểu mẫu cụ thể.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, xem xét hồ sơ xin hỗ trợ đúng quy định, đúng mục đích và đúng đối tượng; đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ và chịu trách nhiệm về đề nghị của mình.

3. Mở sổ sách kế toán, hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi và bảo quản chứng từ theo đúng quy định Nhà nước. Định kỳ hàng quý, năm lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí khuyến công và nộp báo cáo báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành. Các báo cáo phải gửi Giám đốc Sở Công nghiệp và Giám đốc Sở Tài chính để phối hợp kiểm tra, xem xét và báo cáo UBND tỉnh.

4. Xây dựng chương trình, kế hoạch cho hoạt động khuyến công hàng năm và phát sinh trong năm, trình Sở Công nghiệp thẩm định.

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công phải thực hiện theo đúng chế độ tài chính hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Các địa phương và các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn khi được tiếp nhận các khoản hỗ trợ từ kinh phí khuyến công phải có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và chịu sự kiểm tra giám sát của Trung tâm Khuyến Công, Sở Công nghiệp và Sở Tài chính. Nếu phát hiện đơn vị sử dụng nguồn vốn hỗ trợ sai mục đích và vi phạm chế độ tài chính, Trung tâm Khuyến công sẽ báo cáo UBND tỉnh và Giám đốc Sở Công nghiệp ra quyết định thu hồi và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp không còn hoạt động hoặc giải thể thì tổ chức, cá nhân phải kịp thời báo cáo Trung tâm Khuyến công để xử lý.

Chương IV

LẬP CHẤP HÀNH DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Điều 16. Lập dự toán

Hàng năm, căn cứ vào chương trình kế hoạch khuyến công trong năm, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, Trung tâm Khuyến công lập dự toán gửi Sở Công nghiệp, Sở Tài chính để tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của tỉnh trình HĐND phê duyệt.

Năm tài chính của kinh phí khuyến công bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khuyến công được phản ánh và hạch toán vào chương 016B loại 04 khoản 56 “các hoạt động khuyến công”.

Điều 17. Chấp hành dự toán

Việc thực hiện dự toán kinh phí khuyến công phải đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Nhà nước quy định.

Điều 18. Quyết toán kinh phí khuyến công

Định kỳ hàng quý, năm, Trung tâm Khuyến công lập báo cáo quyết toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công nghiệp và Sở Tài chính theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 19. Chế độ thanh tra, kiểm tra

Sở Công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ khuyến công, đảm bảo việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định của pháp luật.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm các điều khoản quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 21. Các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn hỗ trợ từ kinh phí khuyến công nếu sai mục đích, vi phạm chế độ tài chính hiện hành thì phải trả lại kinh phí đã hỗ trợ, nếu chiếm dụng không trả lại kinh phí đã hỗ trợ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Giám đốc Sở Công nghiệp có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Công nghiệp để tổng hợp và nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Một